

Số: 3555/NQ-VNBC

Hạ Long, ngày 21 tháng 5 năm 2020

**NGHỊ QUYẾT**  
**Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN NÚI BÉO - VINACOMIN**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua vào ngày 26 tháng 4 năm 2018;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty ngày 21 tháng 5 năm 2020,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua kết quả SXKD năm 2019; Kế hoạch SXKD năm 2020 với một số chỉ tiêu chủ yếu sau:

**1.1. Kết quả SXKD năm 2019**

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2019		Thực hiện	So sánh %	
			Đầu năm	Điều chỉnh		Đầu năm	Điều chỉnh
1	Bốc xúc đất đá	10 <sup>3</sup> m <sup>3</sup>	4.725	6.100	6.125	130	100
2	Đào lò	Mét	13.000	12.300	12.350	95	100
-	XDCB	"	4.400	3.800	3.557	81	94
-	CBSX	"	8.600	8.500	8.793	102	103
*	Mét lò neo	"	6.500		6.647	102	
3	Than nguyên khai	10 <sup>3</sup> Tấn	1.300	1.350	1.360	105	101
-	Lộ thiên	"	450	800	801	178	100
-	Hầm Lò	"	850	550	558	66	102
4	Than sạch sàng tại mỏ	10 <sup>3</sup> Tấn	1.723	1.767	1.963	114	111
-	Than sạch từ than NK	"	1.123	1.167	1.214	108	104
-	Sản phẩm ngoài than	"	600	600	749	125	125
5	Than tiêu thụ	10 <sup>3</sup> Tấn	1.723	1.770	1.902	110	107

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2019		Thực hiện	So sánh %	
			Đầu năm	Điều chỉnh		Đầu năm	Điều chỉnh
6	Giá trị ĐTXD	Tỷ đồng	1.296	1.110,8	1.051	81,1	94,6
7	Doanh thu tổng số	"	2.276	2.319	2.448	108	106
8	Lợi nhuận tổng số	"	25,4	36,3	59,5	234	164
9	Lao động định mức	Người	3.250		2.778	85	
10	Tiền lương bình quân	10 <sup>3</sup> đ/ng.th	12.601		13.181	105	
11	Cổ tức	%	5		6	120	

### 1.2. Kế hoạch SXKD năm 2020

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Ghi chú
1	Bốc xúc đất đá	10 <sup>3</sup> m <sup>3</sup>	7.000	
2	Đào lò	Mét	11.280	
-	XDCB	"	1.380	
-	CBSX	"	9.900	
*	Mét lò neo	"	6.500	
3	Than nguyên khai	10 <sup>3</sup> Tấn	2.000	
-	Lộ thiên	"	1.000	
-	Hầm Lò	"	1.000	
4	Than sạch sàng tại mỏ	10 <sup>3</sup> Tấn	2.045	
-	Than sạch từ than NK	"	1.760	
-	Sản phẩm ngoài than	"	285	
5	Than tiêu thụ	10 <sup>3</sup> Tấn	2.045	
6	Giá trị ĐTXD	Tỷ đồng	1.113	
7	Doanh thu	"	2.342	
8	Lợi nhuận	"	27	
9	Lao động định mức	Người	3.083	
10	Tiền lương bình quân	10 <sup>3</sup> đ/ng.th	13.584	
11	Cổ tức	%	≥ 3	

**Điều 2.** Thông qua kết quả chi trả tiền lương, thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc Công ty năm 2019 và kế hoạch năm 2020 như sau:

*Đức*

**2.1. Tiền lương, thù lao HĐQT, BKS, BGD năm 2019:**

*ĐVT: Triệu đồng*

STT	Chức danh	Số người	Tổng số (Tr.đ)	Trong đó:		Ghi chú
				Lương	Thù lao	
<b>1</b>	<b>Hội đồng Quản trị</b>	<b>05</b>	<b>285,6</b>	-	<b>285,6</b>	
-	Chủ tịch HĐQT	01	64,8		64,8	
-	Ủy viên HĐQT	04	220,8		220,8	
<b>2</b>	<b>Ban Kiểm soát</b>	<b>03</b>	<b>461</b>	<b>351,0</b>	<b>110,0</b>	
-	TB kiểm soát	01	360,2	351,0	9,2	
-	UV Ban kiểm soát	02	100,8	-	100,8	
<b>3</b>	<b>Ban Giám đốc</b>	<b>5,7</b>	<b>2.364,0</b>	<b>2.364,0</b>	-	
	<b>Tổng số</b>	<b>13,7</b>	<b>3.110,6</b>	<b>2.715,0</b>	<b>395,6</b>	

**2.2. Kế hoạch chi trả tiền lương, thù lao HĐQT, BKS, BGD năm 2020:**

*ĐVT: Triệu đồng*

STT	Chức danh	Số người	Tổng số (Tr.đ)	Trong đó:		Ghi chú
				Lương	Thù lao	
<b>1</b>	<b>Hội đồng Quản trị</b>	<b>5</b>	<b>285,6</b>	-	<b>285,6</b>	
-	Chủ tịch HĐQT	1	64,8		64,8	
-	Ủy viên HĐQT	4	220,8		220,8	
<b>2</b>	<b>Ban Kiểm soát</b>	<b>3</b>	<b>168,0</b>		<b>168,0</b>	
-	TB kiểm soát	1	57,6		57,6	
-	UV Ban kiểm soát	2	110,4		110,4	
<b>3</b>	<b>Ban Giám đốc</b>	<b>6</b>	<b>2.502</b>	<b>2.502</b>		
	<b>Tổng số</b>	<b>14</b>	<b>2.955,6</b>	<b>2.502</b>	<b>453,6</b>	

**• Phương thức chi trả:**

- Tiền lương, thù lao tháng = Tiền lương, thù lao năm /12 tháng;
- Hàng tháng các thành viên HĐQT, BKS, BGD Công ty được tạm ứng 80% mức tiền lương, thù lao tháng; Số còn lại 20% được quyết toán vào cuối năm trên cơ sở kết quả SXKD của Công ty.

**Điều 3.** Thông qua báo cáo tài chính của Công ty năm 2019 do Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán gồm một số chỉ tiêu chủ yếu sau:

- \* Tài sản tổng số: 3.602.416.329.074 đồng;
- Tài sản ngắn hạn: 801.567.008.553 đồng;
- Tài sản dài hạn: 2.800.849.320.521 đồng;



- \* Tổng nguồn vốn: 3.602.416.329.074 đồng;
- Nợ phải trả: 3.144.448.369.044 đồng;
- Vốn chủ sở hữu: 457.967.960.030 đồng.

**Điều 4.** Thông qua phương án phân chia lợi nhuận năm 2019 như sau:

STT	Nội dung	Số tiền (Tr.đ)
<b>I</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>59.549</b>
1	Trích nộp thuế TNDN	25.484
<b>II</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>34.065</b>
1	Chia cổ tức: 6% vốn điều lệ	22.199
2	Lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích khoản 1	11.866
2.1	Trích quỹ đầu tư phát triển: 30%	3.560
2.2	Quỹ thưởng Người quản lý Công ty ( $\leq 1,5$ tháng lương thực hiện của Người quản lý Công ty năm 2019)	340
2.3	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ( $\leq 3$ tháng lương thực hiện của Công ty năm 2019)	7.966
-	<i>Quỹ khen thưởng (50%)</i>	3.983
-	<i>Quỹ phúc lợi (50%)</i>	3.983

**Điều 5.** Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty năm 2019, phương hướng năm 2020.

**Điều 6.** Thông qua Báo cáo hoạt động của BKS và đánh giá kết quả hoạt động của HĐQT, Giám đốc Công ty trong năm 2019.

**Điều 7.** Thông qua thay đổi nhân sự BKS giữa nhiệm kỳ 2016-2021 Công ty Cổ phần Than Núi Béo – Vinacomin như sau:

7.1. Ông Chu Duy Hải, người Đại diện TKV, thôi giữ chức vụ Trưởng ban Kiểm soát, thôi tham gia Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin theo đơn đề nghị của cá nhân và Quyết định của Tập đoàn TKV.

7.2. Bà Vũ Thị Dung, người Đại diện TKV tham gia BKS và được bầu giữ chức vụ Trưởng ban Kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2016 – 2021.

**Điều 8.** Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC, trụ sở chính: Số 01, Lê Phụng Hiểu, Hà Nội để thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin.

**Điều 9.** Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Than Núi Béo – Vinacomin:

9.1. Tiếp tục triển khai thực hiện Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác hầm lò mỏ than Núi Béo điều chỉnh và các dự án khác (bao gồm kể cả việc

ký kết hợp đồng đầu tư và vay vốn tín dụng có giá trị từ 35% trở lên tổng số giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán);

9.2. Thực hiện Đề án Tái cơ cấu Công ty giai đoạn 2017-2020 được Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 thông qua theo định hướng của TKV; Được quyền thuê tài sản, thiết bị phục vụ yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty.

9.3. Bổ sung thêm ngành nghề đăng ký kinh doanh khi cần cho hoạt động SXKD của Công ty; Điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch SXKD cho phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty và có trách nhiệm tiến hành các công việc được thông qua một cách hợp lệ, báo cáo Đại hội đồng cổ đông ở kỳ họp gần nhất theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, đảm bảo lợi ích của các cổ đông, lợi ích doanh nghiệp.

#### **Điều 10. Điều khoản thi hành.**

Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Than Núi Béo - Vinacomin năm 2020 thông qua một cách hợp lệ và giao cho HĐQT, Giám đốc Công ty triển khai thực hiện kể từ ngày 21 tháng 5 năm 2020.

#### **Nơi nhận:**

- TKV; UBCK Nhà nước, Sở GD&ĐT Hà Nội; TTLK Việt Nam (b/c);
- Các cán bộ quản lý; Các cổ đông của Công ty;
- Các đơn vị, phòng ban (ecopy); P. ĐK đăng trên trang Web;
- Lưu: Văn thư; Thư ký Công ty.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA**



**CHỦ TỊCH HĐQT  
Phạm Công Hương**

Hạ Long, ngày 21 tháng 5 năm 2020

**BIÊN BẢN**  
**Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020**

Tên công ty: **Công ty Cổ phần Than Núi Béo – Vinacomin.**

Trụ sở tại: **799 Lê Thánh Tông, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh,**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5700101700 cấp lần thứ 11 ngày 30/9/2015 tại Phòng ĐKKD sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh;

Công ty tiến hành Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 tại Văn phòng Công ty số 799 Lê Thánh Tông, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh vào hồi 8h00 ngày 21/5/2020 dưới sự Chủ tọa của ông **Phạm Công Hương** - Chủ tịch HĐQT Công ty;

- Tham dự Đại hội có: 26 cổ đông, sở hữu và đại diện sở hữu 25.412.147 cổ phần, chiếm 68,7% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

- Đại hội cử ông Huỳnh Hữu Nam – cổ đông của Công ty làm thư ký Đại hội; cử ông Lưu Anh Đức – Thư ký Công ty vào tổ giúp việc cho thư ký trong việc thu, đếm các thẻ biểu quyết Đại hội.

**Đại hội được tiến hành theo trình tự, bao gồm những nội dung sau:**

**I. Thực hiện các thủ tục tiến hành Đại hội:**

1. Ông Nguyễn Tiến Nhung, Ủy viên BKS, Trưởng ban kiểm tra tư cách cổ đông, báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông (Có báo cáo kèm theo).

2. Chủ tọa kết luận: Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 được tổ chức vào ngày 21 tháng 5 năm 2020 tại Văn phòng Công ty số 799 Lê Thánh Tông TP Hạ Long, Quảng Ninh đã đủ điều kiện tiến hành theo đúng quy định.

**II. Đại hội thảo luận và thông qua các nội dung sau:**

**1. Thảo luận, thông qua quy chế, chương trình Đại hội:**

1.1. Ông Trần Quốc Tuấn, Ủy viên HĐQT Công ty trình bày: <sup>(1)</sup> Quy chế làm việc của Đại hội, <sup>(2)</sup> Chương trình Đại hội (Có nội dung kèm theo).

1.2. Các ý kiến thảo luận: Không.

1.3. Tỉ lệ biểu quyết:

- Số cổ đông tán thành: 26 cổ đông, sở hữu và đại diện sở hữu 25.412.147 cổ phần, đạt tỉ lệ 100 % tổng số cổ phần có quyền tham gia biểu quyết.

- Số cổ đông không tán thành: Không.

- Số cổ đông có ý kiến khác: Không.

1.4. Chủ tọa kết luận: Căn cứ vào tỷ lệ biểu quyết, Đại hội đã thông qua Quy chế, Chương trình làm việc của Đại hội.

## **2. Thảo luận và thông qua các Báo cáo, Tờ trình của HĐQT, BKS.**

2.1. Ông Ngô Thế Phiệt - Ủy viên HĐQT – Giám đốc Công ty trình bày: <sup>(1)</sup> Báo cáo kết quả SXKD năm 2019, mục tiêu nhiệm vụ SXKD năm 2020; <sup>(2)</sup> Báo cáo chi trả tiền lương, thù lao HĐQT, BKS, BGĐ năm 2019, đề xuất tiền lương thù lao HĐQT, BKS, BGĐ năm 2020 (Có báo cáo kèm theo).

2.2. Bà Trương Thúy Mai – Ủy viên HĐQT trình bày: <sup>(1)</sup> Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán năm 2019; <sup>(2)</sup> Phương án phân phối lợi nhuận của Công ty năm 2019 (Có Báo cáo tài chính năm 2019 và Tờ trình phân phối lợi nhuận kèm theo).

2.3. Ông Trần Quốc Tuấn, UV HĐQT Công ty trình bày: Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2019, phương hướng năm 2020 (Có báo cáo kèm theo).

2.4. Bà Vũ Thị Dung, TBKS Công ty trình bày: <sup>(1)</sup> Báo cáo đánh giá của BKS về kết quả SXKD và thẩm định báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán năm 2019; <sup>(2)</sup> Báo cáo thay đổi nhân sự của BKS giữa nhiệm kỳ; <sup>(3)</sup> Báo cáo hoạt động của BKS và đánh giá kết quả hoạt động của HĐQT, Giám đốc Công ty trong năm 2019; <sup>(4)</sup> Tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty năm 2020 (Có nội dung báo cáo, Tờ trình kèm theo).

2.5. Các ý kiến thảo luận: (Có nội dung kèm theo).

2.6. Biểu quyết:

<sup>(1)</sup> Báo cáo kết quả SXKD năm 2019; mục tiêu nhiệm vụ SXKD năm 2020, trong đó kế hoạch chi trả cổ tức  $\geq 3\%$ .

- Số cổ đông tán thành: 24 cổ đông, sở hữu và đại diện sở hữu 24.180.847 cổ phần, đạt tỉ lệ 95,15 % tổng số cổ phần có quyền tham gia biểu quyết.

- Số cổ đông không tán thành: Không.

- Số cổ đông có ý kiến khác (Kế hoạch chi trả cổ tức năm 2020  $\geq 3\%$  là thấp): 02 cổ đông, sở hữu và đại diện sở hữu 1.231.300 cổ phần, đạt tỷ lệ 4,85% tổng số cổ phần có quyền tham gia biểu quyết.

<sup>(2)</sup> Báo cáo chi trả tiền lương, thù lao HĐQT, BKS, BGĐ năm 2019, đề xuất tiền lương thù lao HĐQT, BKS, BGĐ năm 2020; <sup>(3)</sup> Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán năm 2019; <sup>(4)</sup> Phương án phân phối lợi nhuận của Công ty năm 2019; <sup>(5)</sup> Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2019, phương hướng năm 2020; <sup>(6)</sup> Báo cáo đánh giá của Ban kiểm soát về kết quả SXKD và thẩm định báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán năm 2019; <sup>(7)</sup> Báo cáo thay đổi nhân sự của Ban kiểm soát giữa nhiệm kỳ; <sup>(8)</sup> Báo cáo hoạt động của BKS và đánh giá kết quả hoạt động của HĐQT, Giám đốc Công ty trong năm 2019; <sup>(9)</sup> Tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty năm 2020.

- Số cổ đông tán thành: 26 cổ đông, sở hữu và đại diện sở hữu 25.412.147 cổ phần, đạt tỉ lệ 100 % tổng số cổ phần có quyền tham gia biểu quyết.

- Số cổ đông không tán thành: Không.

- Số cổ đông có ý kiến khác: Không.

2.7. Chủ tọa kết luận: Căn cứ tỷ lệ biểu quyết, Đại hội đã thông qua các báo cáo, Tờ trình của HĐQT, BKS do các UV HĐQT, BKS trình bày ở mục 2.1; 2.2; 2.3 và 2.4.







**NỘI DUNG THẢO LUẬN**  
**TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**  
**(Đính kèm Biên bản họp Đại hội cổ đông ngày 20/5/2020)**

**I. Đại hội nhận được 04 câu hỏi từ Quý cổ đông Hàn Hữu Hậu; Mã cổ đông 48, Sở hữu (hoặc đại diện ủy quyền sở hữu) 802.500 cổ phần, chiếm 2,17% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.**

**1. Câu hỏi thứ nhất:**

Tỷ trọng giá vốn hàng bán trên doanh thu của Công ty tăng dần lên qua các năm từ 2017 đến 2019. Đề nghị Ban lãnh đạo Công ty lý giải các nguyên nhân làm tỷ trọng giá vốn tăng cao qua các năm. Ban lãnh đạo Công ty đã có những giải pháp nào tiết giảm chi phí hạ giá vốn hàng bán?

Chỉ tiêu	Năm 2017 (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Năm 2018 (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Năm 2019 (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1,490,970		2,164,068		2,434,695	
Giá vốn hàng bán	1,115,936	75	1,759,306	81	2,051,314	84

**\*Trả lời:**

Giá vốn hàng bán tăng dần qua các năm từ 2017 - 2019 là do:

- Công ty đang chuyển từ khai thác than lộ thiên sang khai thác than hầm lò dự kiến khai thác lộ thiên sẽ chấm dứt từ Quý II/2021. Từ năm 2017, Công ty đã khai thác than hầm lò đầu tiên. Sản lượng khai thác qua các năm như sau:

Than nguyên khai sản xuất	Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019	
	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
Than NK lộ thiên	700.651	80,95	503.493	54,87	801.151	58,92
Than NK hầm lò	164.906	19,05	414.059	45,13	558.372	41,08
<b>Tổng cộng</b>	<b>865.557</b>	<b>100</b>	<b>917.552</b>	<b>100</b>	<b>1.359.523</b>	<b>100</b>

- Sản lượng than khai thác hầm lò tăng dần vào các năm, tuy nhiên sản lượng còn rất thấp so với công suất thiết kế của dự án, giá thành than khai thác hầm lò cao do chi phí cao đặc biệt là chi phí khấu hao TSCĐ. Đồng thời do khai thác lộ thiên đang đi vào thời gian kết thúc, diện khai thác thu hẹp và xuống sâu làm chi phí khai thác lộ thiên cũng tăng cao. Bên cạnh đó từ năm 2017 trở lại đây các khoản thuế tài nguyên, phí môi trường theo quy định của Nhà nước tăng giá 3 lần, đồng thời chịu tiền cấp quyền khai thác của Dự án hầm lò 59,3 tỷ đồng, doanh thu của Công ty được xác định theo cơ chế giao khoán của TKV. Ban lãnh

đạo Công ty đã thực hiện nhiều giải pháp để tiết giảm chi phí hạ giá thành sản phẩm như: Giao khoán chi phí cho từng công trường, phân xưởng trong năm 2019 tiết kiệm chi phí 3,02 tỷ đồng..., đẩy nhanh tiến độ thực hiện Dự án để tăng sản lượng khai thác, tăng cường công tác tuyển dụng thợ lò đáp ứng yêu cầu về lao động trong hầm lò để tăng sản lượng.

## 2. Câu hỏi thứ hai:

Năm 2019 được đánh giá là năm thuận lợi cho ngành than với giá than tăng và thị trường tiêu thụ tốt. Tuy nhiên lượng hàng tồn kho của Công ty lại tăng lên. Đề nghị Ban lãnh đạo cho biết nguyên nhân vì sao. Và hiện tại Công ty đang tiếp cận và triển khai những kênh bán hàng nào? Hiệu quả của các kênh bán hàng đó?

Chỉ tiêu	31/12/2018 (tỷ đồng)	31/12/2019 (tỷ đồng)	31/03/2020 (tỷ đồng)
Hàng Tồn Kho	617	729	760

### \* Trả lời:

- Năm 2019 được đánh giá là năm thuận lợi cho ngành than với giá than tăng và thị trường tiêu thụ tốt. Tuy nhiên, Công ty là một công ty con của TKV tiêu thụ theo Kế hoạch phối hợp kinh doanh của TKV. Hàng tồn kho tăng cao chủ yếu là do giá thành tồn kho tăng, cụ thể:

Nội dung	Năm 2018	Năm 2019	QI-2020
1. Sản lượng tồn kho	563.709	614.923	424.036
2. Giá tồn kho (đ/tấn)	1.038.190	1.132.247	1.532.247

Riêng tồn kho quý I/2020, ngoài tồn kho than còn bao gồm chi phí sản xuất lộ thiên Công ty đang treo lại do chưa xin gia hạn được giấy phép nên chưa có sản lượng.

- Hiện tại Công ty chỉ giao than cho TKV thông qua các công ty tuyển than, kho vận và sản lượng giao hàng năm theo kế hoạch và điều hành của TKV.

## 3. Câu hỏi thứ ba:

Công ty đang có vay, nợ thuê tài chính ở mức cao và tăng dần theo thời gian. Từ đó làm chi phí lãi vay của Công ty cũng tăng mạnh. Xin cho biết hiện tại Công ty đang được các tổ chức tín dụng áp dụng mức lãi suất là bao nhiêu (không thấy phản ánh trong báo cáo tài chính kiểm toán) và Ban lãnh đạo Công ty đã thương thảo, đàm phán về các gói ưu đãi, hỗ trợ của các tổ chức tín dụng đối với Công ty hay chưa? Kết quả đạt được như thế nào?

Chỉ tiêu	31/12/2018 (tỷ đồng)	31/12/2019 (tỷ đồng)	31/03/2020 (tỷ đồng)
Vay và nợ thuê tài chính NH	294	480	431
Vay và nợ thuê tài chính DH	1.668	1.826	1.893
Chi phí lãi vay	123	158	35

*Đức*

**\* Trả lời:**

- Công ty đang thực hiện đầu tư Dự án xây dựng công trình khai thác hầm lò mỏ than Núi Béo với tổng mức đầu tư 5.331 tỷ đồng, dự kiến dự án sẽ kết thúc vào đầu năm 2021 với tổng hợp đồng cung cấp vốn tín dụng để thực hiện dự án: 4.300 tỷ đồng. Số dư vay dài hạn tăng theo tiến độ thực hiện của dự án. Đồng thời từ năm 2015, mỗi năm Công ty nộp tiền cấp quyền khai thác 59,3 tỷ đồng nhưng không vay được dài hạn, Công ty đang thực hiện vay ngắn hạn để nộp, số dư cấp quyền chờ phân bổ đến hết năm 2019: 147 tỷ đồng, nên số dư vay và nợ tài chính ngắn hạn tăng, đồng thời làm chi phí lãi vay tăng theo từng năm. Công ty đã chủ động đàm phán với các ngân hàng để được hưởng các gói ưu đãi, hỗ trợ với mức lãi suất thấp hơn lãi suất công bố. Cụ thể: Lãi suất bình quân Công ty đang vay của các tổ chức tín dụng:

Nội dung	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
Lãi suất ngắn hạn	5,00	6,00	6,20
Lãi suất dài hạn	9,15	9,45	9,56

- Lãi suất mà các tổ chức đang áp dụng đối với tổ chức doanh nghiệp: Ngắn hạn: 9%/năm; Trung dài hạn: 11,5%/năm.

**4. Câu hỏi thứ tư:**

Theo phê duyệt về dự án **Đầu tư xây dựng công trình khai thác hầm lò mỏ Than Núi Béo** với tổng mức đầu tư là 5.331 tỷ đồng, công suất thiết kế là 2 triệu tấn than nguyên khai/năm.

- Xin cho biết cụ thể tình hình, tiến độ và kế hoạch hoàn thành Dự án trên. Khi nào thì Dự án đạt được mức công suất thiết kế?

- Trong năm 2019, kế hoạch ban đầu là khai thác 850 nghìn tấn, tuy nhiên hết năm chỉ đạt được 558 nghìn tấn; Phải chăng Dự án đang chậm tiến độ và không đạt được công suất như kỳ vọng. Đề nghị ban lãnh đạo cho biết đánh giá về khả năng đóng góp và hiệu quả của Dự án?

**\* Trả lời:**

- Dự án khai thác hầm lò mỏ than Núi Béo đã thực hiện về cơ bản các hạng mục, trong đó lò XDCB đến hết tháng 4/2020: 12.418m/13.221m (đạt 93,9%). Đã đưa 6 lò chợ XDCB của Dự án vào hoạt động. Dự kiến trong quý I/2021 sẽ kết thúc giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản và chuyển sang giai đoạn vận hành dự án. Đến năm 2022 đạt công suất thiết kế 2 triệu tấn than nguyên khai/năm.

- Trong năm 2019 kế hoạch ban đầu khai thác than nguyên khai hầm lò 850 nghìn tấn, khai thác than nguyên khai lộ thiên 450 nghìn tấn. Tuy nhiên, do Giấy phép khai thác lộ thiên sẽ hết hạn trong năm 2019, để đảm khai thác tối đa trữ lượng than lộ thiên cũng như kế hoạch điều hành chung của Tập đoàn, Công ty đã cân đối, điều chỉnh kế hoạch năm 2019 và đã được Tập đoàn thông qua tại Quyết định số 2171/QĐ-TKV ngày 23/12/2019 như sau:

- + Than nguyên khai hầm lò: 550 nghìn tấn
- + Than nguyên khai lộ thiên: 800 nghìn tấn

Kết quả đạt được:

- + Than nguyên khai hầm lò: 558.371 tấn
- + Than nguyên khai lộ thiên: 801.151 tấn

Như vậy, tổng sản lượng than toàn Công ty đảm bảo kế hoạch điều hành chung của Tập đoàn. Theo tiến độ thì năm 2022 đạt công suất thiết kế 2 triệu tấn than nguyên khai/năm.

Dự án Khai thác hầm lò mỏ than Núi Béo dần thay thế sản lượng khai thác than lộ thiên giảm dần (Khai thác lộ thiên thực hiện theo Giấy phép số 1640/GP-BTNMT đến hết 2019, do trữ lượng khai thác lộ thiên vẫn còn, Công ty làm thủ tục và đã được gia hạn khai thác lộ thiên theo Giấy phép số 77/GP-BTNMT ngày 28/4/2020 sẽ kết thúc khai thác vào năm 2021). Như vậy, trong năm 2020 và những năm tiếp theo Dự án khai thác hầm lò đưa vào hoạt động sẽ duy trì hoạt động kinh doanh sản xuất than của Công ty. Dự án được duyệt đảm bảo tính ổn định và hiệu quả đầu tư.

**II. Đại hội nhận được 5 câu hỏi từ Quý cổ đông Nguyễn Đức Bằng; Mã cổ đông 37, sở hữu (hoặc đại diện ủy quyền sở hữu) 428.000 cổ phần, chiếm 1,16% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.**

**1. Câu hỏi thứ nhất:** Biện pháp quản lý trong công tác: Mua sắm tài sản, đầu tư để đảm bảo đủ cơ sở pháp lý, bảo đảm đúng giá trị, không gây lỗ trong đầu tư và mất vốn của cổ đông. Nhất là hạn chế để xảy ra các nhà cung cấp thuộc sân sau hoặc có mối quan hệ chỉ đạo?

**\* Trả lời:**

Việc mua sắm tài sản, đầu tư của Công ty luôn đảm bảo đầy đủ cơ sở pháp lý, đảm bảo đúng giá trị, không gây lỗ trong đầu tư và mất vốn của cổ đông. Công ty đã ban hành Quy chế quản lý đầu tư xây dựng (Quyết định số 8228/QĐ-VNBC ngày 01/12/2017 của Hội đồng quản trị Công ty). Việc tổ chức mua sắm tài sản, đầu tư Công ty thực hiện theo đúng các quy định của Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013 và Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu và Quy chế quản lý đầu tư của Công ty.

Nhằm hạn chế và không để xảy ra các nhà cung cấp thuộc sân sau hoặc có mối quan hệ chỉ đạo, Công ty đã tổ chức đấu thầu bảo đảm nguyên tắc cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả cao nhất. Thực hiện đăng tải Kế hoạch lựa chọn nhà thầu, HSMT/HSYC và công khai thông tin theo quy định trong đấu thầu. Đẩy mạnh thực hiện đấu thầu qua mạng theo lộ trình quy định tại Thông tư 07/2015/TTLT-BKHĐT-BTC ngày 08/9/2015 của Bộ Kế hoạch và đầu tư và Bộ tài chính quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu qua mạng. Tỷ lệ các gói thầu lựa chọn nhà thầu qua mạng trong các năm gần đây Công ty thực hiện đều vượt so với lộ trình yêu cầu về lựa chọn nhà

thầu qua mạng của Chính phủ. Trong thời gian tới, với gói thầu đảm bảo đủ điều kiện Công ty sẽ cho tổ chức đấu thầu qua mạng.

**2. Câu hỏi thứ hai:** Đề nghị giải trình chi phí quản lý năm 2019 tăng so với năm 2018 (207 tỷ/129 tỷ) nhất là chi phí khác tăng 73,6 tỷ.

**\* Trả lời:**

- Chi phí quản lý 207 tỷ mà Quý cổ đông đưa ra là số công bố trước kiểm toán. Chi phí quản lý năm 2019 sau kiểm toán: 133,56 tỷ đồng; năm 2018: 129,34 tỷ đồng

- Năm 2019, Công ty thực hiện hạch toán chi phí tập trung TKV với số tiền: 67,8 tỷ đồng vào chi phí quản lý trong báo cáo tài chính trước kiểm toán. Nhưng trên báo cáo tài chính sau kiểm toán Công ty điều chỉnh hạch toán giảm từ chi phí quản lý sang chi phí sản xuất chung. Như vậy, số sau kiểm toán đã được công bố chi phí quản lý năm 2019: 133,56/129,34 tăng 4 tỷ đồng.

**3. Câu hỏi thứ ba:** Chi phí theo yếu tố: Phần chi phí bằng tiền tăng so với 2018: 689/533 tỷ đồng, sấp xỉ 156 tỷ. Trong chi phí yếu tố thì chi phí nguyên nhiên vật liệu và nhân công ổn định không tăng.

**\* Trả lời:**

Chi phí khác tăng so với 2018 chủ yếu do các nội dung sau:

- Như đã trình bày ở câu 2: Chi phí tập trung năm 2019 phải trả tăng so với 2018: 67,8 tỷ đồng.

- Các loại thuế phí năm 2019 tăng so với năm 2018: 72,2 tỷ đồng:

+ Thuế tài nguyên năm 2019 294,9/232,6 tỷ đồng tăng 62,4 tỷ đồng

+ Các loại thuế phí nộp ngân sách khác (thuế MT, phí môi trường, thuế đất, CQKT): 9,8 tỷ đồng.

**4. Câu hỏi thứ tư:** Chi phí mua bảo hiểm của Công ty rất lớn thì phần chiết khấu bảo hiểm này được hạch toán như thế nào? Thường thì các công ty bảo hiểm chiết khấu rất nhiều?

**\* Trả lời:**

Căn cứ vào Điều 41- Hoa hồng bảo hiểm của 73/2016/NĐ-CP ngày 01/6/2016 của Chính phủ thì Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài được phép chi trả hoa hồng bảo hiểm cho doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, đại lý bảo hiểm theo quy định của Bộ Tài chính; Căn cứ vào điều 5- Hoa hồng đại lý bảo hiểm của thông tư 50/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn thi hành nghị định 73 thì Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài trả hoa hồng cho đại lý bảo hiểm sau khi đại lý bảo hiểm thực hiện một hoặc một số nội dung hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định tại Điều 85 Luật Kinh doanh bảo hiểm để mang lại dịch vụ cho doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài.

**“Theo đó Điều 85.** Nội dung hoạt động đại lý bảo hiểm:

Đại lý bảo hiểm có thể được doanh nghiệp bảo hiểm uỷ quyền tiến hành các hoạt động sau đây:



1. Giới thiệu, chào bán bảo hiểm;
2. Thu xếp việc giao kết hợp đồng bảo hiểm;
3. Thu phí bảo hiểm;
4. Thu xếp giải quyết bồi thường, trả tiền bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm;
5. Thực hiện các hoạt động khác có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng bảo hiểm.

**Theo Điều 86.** Điều kiện hoạt động đại lý bảo hiểm:

1. Cá nhân hoạt động đại lý bảo hiểm phải có đủ các điều kiện sau đây:
  - a) Là công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam;
  - b) Từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
  - c) Có chứng chỉ đào tạo đại lý bảo hiểm do doanh nghiệp bảo hiểm hoặc Hiệp hội bảo hiểm Việt Nam cấp.
2. Tổ chức hoạt động đại lý bảo hiểm phải có đủ các điều kiện sau đây:
  - a) Là tổ chức được thành lập và hoạt động hợp pháp;
  - b) Nhân viên trong tổ chức đại lý trực tiếp thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm phải có đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này.
3. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang phải chấp hành hình phạt tù hoặc bị Tòa án tước quyền hành nghề vì phạm các tội theo quy định của pháp luật không được ký kết hợp đồng đại lý bảo hiểm.”

Như vậy Công ty không đủ điều kiện là đại lý bảo hiểm nên không được chi trả hoa hồng theo quy định và trong hợp đồng của Công ty cũng không có các điều khoản về chi trả hoa hồng

**5. Câu hỏi thứ năm:**

Các chi phí cho du lịch thăm quan của cá nhân Lãnh đạo đơn cử ngày 17/6/2019 và 20/8/2019:

- Ông Hải – Trưởng ban kiểm soát đi tham quan du lịch Ả rập
- Ông Phiệt – Giám đốc tham quan du lịch Hàn Quốc.

(Chi phí này được hạch toán như thế nào? Văn bản nào của Bộ tài chính Đại hội đồng cổ đông quy định tiêu chuẩn gì?)

**\* Trả lời:**

Công ty tổ chức thăm quan du lịch theo các văn bản hướng dẫn sau:

- Quyết định số 1353/QĐ-TKV ngày 08/7/2015 của Hội đồng thành viên TKV về việc quản lý xuất cảnh đối với cán bộ công nhân viên trong Tập đoàn.
- Quyết định số 9937/QĐ –VNBC ngày 23/11/2018 của Giám đốc Công ty về việc ban hành quy định tổ chức tham quan nghỉ mát, nghỉ tuần trong Công ty cổ phần Than Núi Béo- Vinacomin.

Cụ thể trong câu hỏi của Quý cổ đông về tổ chức cho cá nhân lãnh đạo đi tham quan xin được trình bày cụ thể như sau:

- Ngày 17/6/2019, HĐQT Công ty ban hành Nghị quyết số 11/NQ-VNBC và ngày 20/6/2019 ban hành Quyết định số 5260/QĐ-VNBC cử Ông Chu Duy Hải – Trưởng ban kiểm soát đi tham quan tại Ả Rập với tổng kinh phí chuyến đi: 32.900.000 đ/người, trong đó 10.000.000 đ được chi từ quỹ phúc lợi của Công ty, còn lại do cá nhân tự đóng góp.

- Ngày 20/8/2019, HĐQT Công ty ban hành Nghị quyết số 16/NQ-VNBC và ngày 27/8/2019 ban hành Quyết định số 7383/QĐ-VNBC đồng ý để Ông Ngô Thế Phiệt – UVHĐQT - Giám đốc Công ty đi thăm quan du lịch Hàn Quốc; Kinh phí chuyến đi do cá nhân ông Ngô Thế Phiệt tự chi trả.

Xin trân trọng cảm ơn quý cổ đông./.







**DANH SÁCH CỔ ĐÔNG THAM DỰ ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**  
**Ngày chốt danh sách 18 tháng 03 năm 2020; Ngày tổ chức đại hội: 21 tháng 5 năm 2020**

Mã cổ đông	Họ và tên	Số ĐKSH	Cổ phần sở hữu/Đại diện sở hữu			Tỷ lệ %	Ghi chú
			Tổng số	Sở hữu	Ủy quyền		
1	PHẠM CÔNG HƯƠNG	013376754	24.049.431		24.049.431	65,00	-
2	NGÔ THẾ PHIỆT	101041355	6.970		6.970	0,02	-
48	HÀN HỮU HẬU	172857040	802.500		802.500	2,17	-
21	NGÔ THU KIỀU AN	100673571	2.751	2.751	-	0,01	-
6	NGUYỄN HOÀ BÌNH	100968172	2.420	2.420	-	0,01	-
5	NGUYỄN TIẾN NHƯƠNG	100421423	6.061	6.061	-	0,02	-
12	ĐẶNG THỊ THẨM	100750891	8.591	8.591	-	0,02	-
9	LÊ VĂN GIANG	100528911	6.061	6.061	-	0,02	-
27	ĐINH VĂN MINH	100049918	9.089	9.089	-	0,02	-
14	ĐÀO PHẠM HÙNG	100673588	29.088	29.088	-	0,08	-
47	NGUYỄN VĂN MIỄN	101024659	5.455	5.455	-	0,01	-
4	TRƯƠNG THUYẾT MAI	100642013	2.118	2.118	-	0,01	-
18	ĐỖ ANH DÂN	101164666	1.209	1.209	-	0,00	-
19	VŨ THỊ SEN	100584200	3.634	3.634	-	0,01	-
11	PHẠM MINH THẢO	100039983	9.089	9.089	-	0,02	-
37	NGUYỄN ĐỨC BẰNG	141593345	428.800	428.800	-	1,16	-
52	ĐINH VĂN THIỆN	100049857	2.301	2.301	-	0,01	-
20	MAI VĂN CƯỜNG	100152838	7.574	7.574	-	0,02	-
54	NGUYỄN HUY TRỢ	100624698	6.666	6.666	-	0,02	-
41	NGUYỄN TRẦN HỖ	037053001028	8.259	8.259	-	0,02	-
53	NGUYỄN VĂN MINH	100055293	9.089	9.089	-	0,02	-
43	TRẦN ĐỨC THỌ	100447800	1.000	1.000	-	0,00	-
42	TRẦN MINH HOÀNG	022061001221	2.923	2.923	-	0,01	-
23	ỨNG HỮU ĐẮC	100947173	1.000	1.000	-	0,00	-
51	HUYỀN HỮU NAM	100589333	36	36	-	0,00	-
35	LƯU ANH ĐỨC	101219096	32	32	-	0,00	-
	<b>(26 CỔ ĐÔNG)</b>		<b>25.412.147</b>	<b>553.246</b>	<b>24.858.901</b>	<b>68,7</b>	



CHỦ TỊCH HĐQT  
**Phạm Công Hương**

TRƯỞNG BAN KIỂM  
 TRA TƯ CÁCH ĐẠI BIỂU

**Nguyễn Tiến Nương**

THƯ KÝ ĐẠI HỘI

**Huyền Hữu Nam**